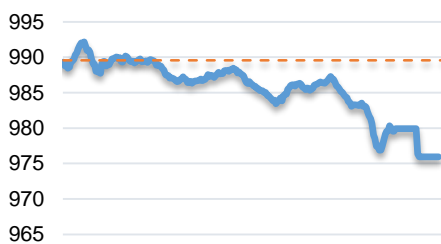


Diễn biến thị trường trong phiên

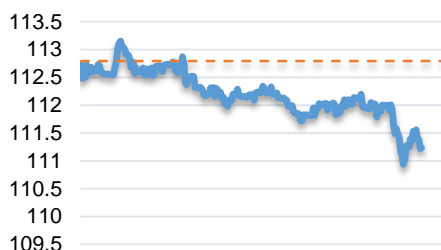
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	975.94	111.23	51.55
% ngày	(1.37)	(1.39)	(0.60)
% tuần	(1.61)	(0.35)	0.01
% tháng	1.70	4.69	1.82
% năm	23.74	7.15	(5.34)
<b>GTGD (Tỷ đồng)</b>			
Trong ngày	4,079.45	598.16	255.92
Hôm qua	3,706.33	611.31	214.54
TB 1 tháng	3,591.72	594.14	223.28
<b>Khối ngoại (Tỷ đồng)</b>			
Mua	351.32	32.41	19.08
Bán	357.62	14.19	14.57
Giá trị ròng	(6.30)	18.22	4.51
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	100	69	65
Mã Giảm	178	79	75
Không Đổi	75	236	594
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	17.6x	10.5x	9.8x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	3,161	201	854
LS Cổ tức	1.99	2.45	3.99

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh mạnh trong phiên đầu tháng 09/2018, chỉ số VN-Index chịu áp lực bán mạnh nhất từ nhóm ngành ngân hàng đã giảm 1.37% xuống mức thấp nhất trong phiên 975.9 điểm, còn chỉ số HNX-Index cũng chịu áp lực bán tương tự khi giảm 1.39% xuống mức 111.23 điểm và ACB chính là mã ảnh hưởng tiêu cực nhất làm chỉ số HNX-Index mất hơn 1.4 điểm.

VJC có phiên giao dịch đầu tháng khá tiêu cực khi trong phiên ATC chịu lực bán mạnh khiến mã này đóng cửa ở mức giá sàn là 145,100 đồng/cp. Yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến việc điều chỉnh mạnh trong phiên vẫn chính là dòng ngân hàng khi gần như tất cả các mã vốn hóa lớn đều giảm mạnh, dẫn đầu là BID, CTG, VCB, ACB, TCB... Ngoài ra sắc đỏ còn lan rộng ra nhiều nhóm ngành tăng mạnh trong các phiên trước như nhóm bất động sản có VIC, NVL, DXG..., ngành bán lẻ-tiêu dùng là SAB, MWG, PNJ..., nhóm xây dựng như CTD, ROS, HBC...

Ngoài ra, dòng tiền cũng chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu “siêu đầu cơ” như FIT, AMD, OGC, HAR,... trong phiên giao dịch hôm nay.

Bên cạnh đó thì VHM là cổ phiếu trụ duy nhất giúp chỉ số không giảm quá sâu khi dự báo VHM sẽ tiếp tục được thêm vào rổ của 2 quỹ ETF lớn khác là Quỹ Van Eck Market Vector Vietnam ETF và Quỹ DB x-trackers FTSE Vietnam ETF trong đợt review quý 3/2018. Ngoài ra, thị trường còn có sự hỗ trợ của các mã Bluechips như VCS, PVS tăng giá trong phiên chiều nay. YEG được khối ngoại mua ròng gần 30 tỷ đồng trong phiên hôm nay và đóng cửa ở mức giá trần.

Khối ngoại giao dịch tương đối ít trong phiên và tiếp tục mua ròng nhẹ trong phiên giao dịch khoảng hơn 16 tỷ đồng trên toàn thị trường. Ngoài lượng mua ròng của YEG thì các nhà đầu tư ngoại quay lại mua ròng ở các mã như MSN 37 tỷ, VCB 30 tỷ, VGC 28 tỷ, VJC 11 tỷ... Tuy nhiên lượng bán ròng trên sàn HSX cũng tương đối lớn ở các mã như VNM 42 tỷ, VRE 31 tỷ, BID 21 tỷ, NVL 17 tỷ, SCR 11 tỷ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục điều chỉnh và biến động quanh mức 977 điểm của chỉ số VN-Index. Đồng thời, dòng tiền bắt đáy có thể gia tăng trở lại nhóm cổ phiếu Largecaps khi nhiều cổ phiếu trong nhóm này đều rơi vào trạng thái quá bán ngắn hạn cho nên thị trường có thể sẽ sớm cân bằng trở lại sau áp lực giảm mạnh trong phiên 05/09/2018. Ngoài ra, chúng tôi vẫn đánh giá rủi ro ngắn hạn vẫn ở mức thấp và mức độ phân hóa sẽ diễn ra thêm trong vài phiên tới khi thị trường quay lại trạng thái tích lũy.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và nâng mức cắt lỗ của hệ thống lên mức 974.7 điểm của chỉ số VN-Index và 109.93 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể cơ cấu lại danh mục và ưu tiên nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao trong danh mục.

**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn:** 62% cổ phiếu/38% tiền mặt.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	997.0	1044.0	915.0	895.0
Chỉ số HNX-Index	<b>TĂNG</b>	<b>GIẢM</b>	112.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.30	TĂNG	GIẢM	17.15	17.16	0.87%			19.58		
ACB	38.00	TĂNG	GIẢM	35.60	37.46	6.74%			41.80		
ACV	82.10	GIẢM	GIẢM		86.58				95.72		
BFC	27.50	GIẢM	GIẢM	27.00	27.64	2.36%	BÁN		28.92		
BHN	81.50	GIẢM	GIẢM		86.79				104.52		
BID	32.50	TĂNG	TĂNG	25.80	32.31	25.97%		33.40	25.09	-2.69%	
BMP	56.80	TĂNG	GIẢM	56.20	52.90	1.07%			62.30		
BSR	17.20	GIẢM	GIẢM		18.13				19.99		
BVH	90.30	TĂNG	GIẢM	78.00	87.54	15.77%			91.06		
BWE	18.30	TĂNG	GIẢM	17.70	17.44	3.39%			19.20		
CEO	13.40	TĂNG	GIẢM	13.40	12.73	0.00%			14.91		
CHP	22.80	GIẢM	TĂNG		23.45			23.50	22.03	-2.98%	
CSM	14.65	TĂNG	TĂNG	14.25	13.67	2.81%		14.39	12.77	1.80%	
CTD	163.00	TĂNG	TĂNG	149.50	159.17	9.03%		161.20	130.49	1.12%	
CTG	25.90	TĂNG	GIẢM	24.00	25.68	7.92%			28.07		
CTI	30.40	TĂNG	GIẢM	30.50	29.10	-0.33%			33.12		
CVT	25.10	GIẢM	GIẢM	25.85	25.35	-1.95%	BÁN		29.58		
DCM	10.15	TĂNG	GIẢM	10.16	10.00	-0.12%			10.69		
DGW	25.30	TĂNG	GIẢM	23.90	24.73	5.86%			26.51		
DHA	27.00	GIẢM	GIẢM		27.41				28.49		
DHC	38.30	GIẢM	GIẢM		40.34				43.99		
DHG	92.70	GIẢM	GIẢM		96.16			114.49	95.93	-16.21%	BÁN
DPG	53.00	TĂNG	TĂNG	40.90	48.07	29.58%		52.00	50.13	1.92%	MUA
DPM	17.70	GIẢM	GIẢM		17.86				18.72		
DPR	36.80	TĂNG	GIẢM	37.50	36.08	-1.87%			39.04		
DQC	30.20	TĂNG	GIẢM	29.55	28.67	2.20%			31.92		
DRC	25.90	TĂNG	TĂNG	25.85	25.39	0.19%		24.30	21.27	6.58%	
DXG	27.20	TĂNG	GIẢM	23.75	27.11	14.53%			29.38		
ELC	8.86	GIẢM	GIẢM		9.18				10.59		
FCN	15.80	GIẢM	TĂNG	16.25	15.96	-1.76%	BÁN	17.70	13.88	-10.73%	
FIT	4.27	TĂNG	GIẢM	4.27	4.24	0.00%	MUA		5.07		
FMC	24.60	TĂNG	TĂNG	21.20	23.28	16.04%		24.70	23.95	-0.40%	MUA
FPT	44.10	TĂNG	GIẢM	42.90	43.22	2.80%			45.46		
GAS	103.00	TĂNG	TĂNG	101.50	98.03	1.48%		103.00	101.12	0.00%	MUA
GEX	28.10	GIẢM	TĂNG	30.60	28.65	-6.37%	BÁN	30.10	25.97	-6.64%	
GIL	50.90	TĂNG	TĂNG	41.65	48.40	22.21%		34.90	42.03	45.85%	
GMD	26.20	TĂNG	GIẢM	25.40	25.54	3.15%			28.65		
GTN	10.45	GIẢM	TĂNG		11.71			11.20	9.83	-6.70%	

We Create Fortune

HAG	6.60	GIẢM	TĂNG		7.38			6.19	5.86	6.62%	
HAX	15.25	GIẢM	GIẢM		16.04				18.52		
HBC	22.80	TĂNG	GIẢM	22.95	22.04	-0.65%			27.24		
HDB	37.40	TĂNG	GIẢM	38.20	36.39	-2.09%			42.32		
HNG	17.90	TĂNG	TĂNG	16.70	16.23	7.19%		8.20	14.10	118.29%	
HPG	39.00	TĂNG	GIẢM	37.20	38.31	4.84%			42.50		
HSG	10.65	GIẢM	GIẢM		11.17				13.29		
HT1	12.55	TĂNG	GIẢM	11.75	12.36	6.81%			12.91		
HUT	5.20	GIẢM	GIẢM		5.48				6.72		
HVN	39.00	TĂNG	TĂNG	33.00	37.73	18.18%		39.20	30.48	-0.51%	
ITD	12.40	TĂNG	TĂNG	12.40	12.09	0.00%	MUA	12.40	11.14	0.00%	
KBC	12.00	TĂNG	GIẢM	12.10	11.96	-0.83%			13.24		
KDH	31.70	TĂNG	GIẢM	30.30	30.20	4.62%			33.01		
KSB	30.95	TĂNG	GIẢM	30.95	30.13	0.00%	MUA		33.01		
LCG	9.40	TĂNG	TĂNG	9.46	8.86	-0.63%		9.39	9.33	0.11%	MUA
LDG	14.30	TĂNG	GIẢM	15.00	13.91	-4.67%			15.06		
LIX	40.40	GIẢM	GIẢM		41.15				43.94		
LPB	9.30	GIẢM	GIẢM		9.82				11.99		
LSS	6.74	GIẢM	GIẢM		6.85				7.75		
MSN	94.00	TĂNG	TĂNG	79.10	91.20	18.84%		90.60	77.28	3.75%	
MWG	118.40	TĂNG	TĂNG	112.00	117.93	5.71%		121.00	104.78	-2.15%	
NKG	13.10	GIẢM	GIẢM		14.00				16.72		
NLG	30.30	TĂNG	GIẢM	29.80	30.20	1.68%			31.83		
NT2	26.40	GIẢM	GIẢM		27.01				28.69		
NTL	9.80	TĂNG	TĂNG	10.35	9.59	-5.31%		10.45	8.94	-6.22%	
NTP	48.30	TĂNG	GIẢM	46.40	46.73	4.09%			51.08		
PAC	40.00	TĂNG	GIẢM	40.20	38.51	-0.50%			42.18		
PC1	25.00	GIẢM	GIẢM		26.52				29.19		
PDR	25.45	TĂNG	GIẢM	26.60	25.05	-4.32%			29.12		
PGC	14.15	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	-1.39%			15.68		
PHR	25.00	TĂNG	TĂNG	21.90	24.46	14.16%		24.00	21.09	4.17%	
PLX	67.40	TĂNG	TĂNG	60.50	64.83	11.40%		68.00	54.57	-0.88%	
PNJ	100.00	TĂNG	TĂNG	90.30	99.11	10.74%		103.90	83.29	-3.75%	
POW	13.80	TĂNG	GIẢM	13.00	13.31	6.15%		14.10	13.91	-1.32%	MUA
PPC	18.10	TĂNG	GIẢM	18.50	17.71	-2.16%			19.21		
PTB	58.00	TĂNG	TĂNG	60.00	57.49	-3.33%		64.00	53.16	-9.38%	
PVD	15.10	TĂNG	TĂNG	15.75	14.35	-4.13%		16.35	11.75	-7.65%	
PVI	29.20	TĂNG	GIẢM	29.90	28.43	-2.34%			33.54		
PVS	21.80	TĂNG	TĂNG	17.00	19.73	28.24%		20.90	14.67	4.31%	
PXS	5.98	GIẢM	TĂNG		6.15			6.19	4.57	-3.39%	
RAL	91.20	TĂNG	GIẢM	91.00	86.24	0.22%			102.96		
REE	35.40	TĂNG	TĂNG	36.40	34.76	-2.75%		36.40	30.73	-2.75%	
SAB	223.80	TĂNG	GIẢM	208.00	215.79	7.60%			233.02		



We Create Fortune

SAM	7.27	TĂNG	GIẢM	7.16	6.77	1.54%			7.59		
SBV	24.65	GIẢM	GIẢM		26.68				29.26		
SCR	9.10	TĂNG	GIẢM	9.35	9.05	-2.67%			10.30		
SHI	6.15	GIẢM	TĂNG		6.31			6.99	5.88	-12.02%	
SJS	19.80	GIẢM	GIẢM		20.12				21.87		
SKG	21.40	GIẢM	TĂNG	20.05	21.94	9.41%	BÁN	23.10	19.32	-7.36%	
SSI	30.70	TĂNG	GIẢM	29.55	30.13	3.89%			34.19		
STB	11.25	TĂNG	GIẢM	11.20	11.04	0.45%			12.71		
SVC	45.00	GIẢM	GIẢM		46.14				49.74		
TCB	26.10	TĂNG	TĂNG	28.50	25.99	-8.42%		18.40	4.60	41.85%	
TCM	22.20	TĂNG	TĂNG	17.80	20.69	24.72%		21.60	17.43	2.78%	
TDH	11.40	TĂNG	GIẢM	11.70	11.14	-2.56%			12.95		
TLH	7.25	GIẢM	GIẢM	7.49	7.28	-2.80%	BÁN		8.20		
TMT	7.08	GIẢM	GIẢM		7.45				7.28		
TNG	12.20	TĂNG	TĂNG	10.80	11.35	12.96%			11.90		
TYA	10.25	GIẢM	GIẢM		10.95				12.27		
VCB	61.00	TĂNG	GIẢM	57.50	60.49	6.09%			64.41		
VFG	37.00	GIẢM	TĂNG		38.63			34.39	33.47	7.58%	
VGC	18.30	TĂNG	GIẢM	17.90	17.58	2.23%			21.13		
VHM	104.90	GIẢM	N/A		111.24						
VIB	26.80	GIẢM	GIẢM	27.60	27.37	-0.83%	BÁN		30.67		
VIC	102.10	GIẢM	TĂNG		106.22			111.50	92.44	-8.43%	
VIP	6.87	GIẢM	GIẢM		7.10				7.29		
VJC	145.10	GIẢM	GIẢM	144.50	150.62	4.23%	BÁN	156.00	154.12	-1.21%	MUA
VNM	156.70	GIẢM	GIẢM		161.51				175.10		
VPB	25.70	GIẢM	GIẢM		26.68				31.64		
VRC	23.60	TĂNG	TĂNG	17.75	22.55	32.96%		19.35	19.13	21.96%	
VRE	37.90	GIẢM	GIẢM		41.26				44.98		
VSC	40.40	TĂNG	TĂNG	35.50	39.30	13.80%		35.30	33.83	14.45%	
VSH	17.25	GIẢM	TĂNG		17.61			17.40	16.64	-0.86%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TP HCM (HSX)		
	Điểm	Chg%
VNI	975.94	(1.37)
VN30	951.14	(1.87)
VN Mid	1,015.56	(1.15)
VN Small	812.37	(0.31)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	351.32	
Bán	357.62	
GT rỗng	(6.30)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HAR	370	6.9%
OGC	190	6.7%
AMD	210	5.8%
KSB	1,650	5.6%
FIT	220	5.4%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VJC	(10,900)	-7.0%
SKG	(1,400)	-6.1%
ANV	(1,000)	-5.6%
BID	(1,900)	-5.5%
CTG	(1,250)	-4.6%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	325,865	
VHM	281,091	
VNM	227,403	
VCB	219,464	
GAS	197,137	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	10.96	16.10
ASM	9.93	4.00
CTG	8.07	5.99
HAG	8.00	11.12
OGC	7.71	2.12

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)		
	Điểm	Chg%
HNI	111.23	(1.39)
HN30	201.76	(1.16)
VNX AllSh	1,372.38	(1.50)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	32.41	
Bán	14.19	
GT rỗng	18.22	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
L14	3,500	7.4%
AMV	1,500	6.8%
PVS	400	1.9%
TNG	200	1.7%
TV2	1,800	1.6%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SHS	(700)	-4.6%
VCG	(700)	-3.8%
VC3	(600)	-3.1%
CEO	(400)	-2.9%
ACB	(1,100)	-2.8%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	41,211	
VCS	14,576	
SHB	9,986	
PVS	9,738	
VGC	8,205	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
PVS	7.46	6.96
SHB	6.28	6.58
ACB	5.96	4.63
VGC	2.44	1.50
VCG	2.11	1.04

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)		
	Điểm	Chg%
UPCoM	51.55	(0.60)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	19.08	
Bán	14.57	
GT rỗng	4.51	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
-------------------	------------------------	------

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VIB	(1,100)	-3.9%
GEG	(400)	-3.1%
DVN	(500)	-3.0%
POW	(300)	-2.1%
VGT	(200)	-2.1%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	178,742	
MCH	53,979	
BSR	53,329	
HVN	48,737	
GVR	32,400	

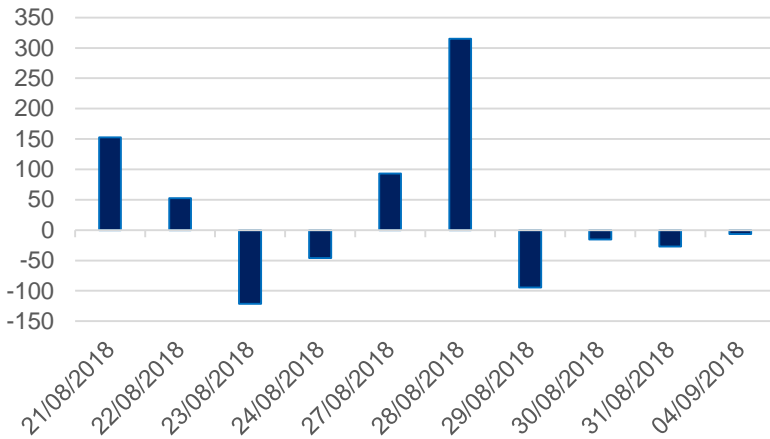
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SVH	7.98	0.27
BT6	3.70	0.13
POW	1.65	1.35
BSR	1.31	1.83
OIL	1.09	0.73

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create **Fortune**

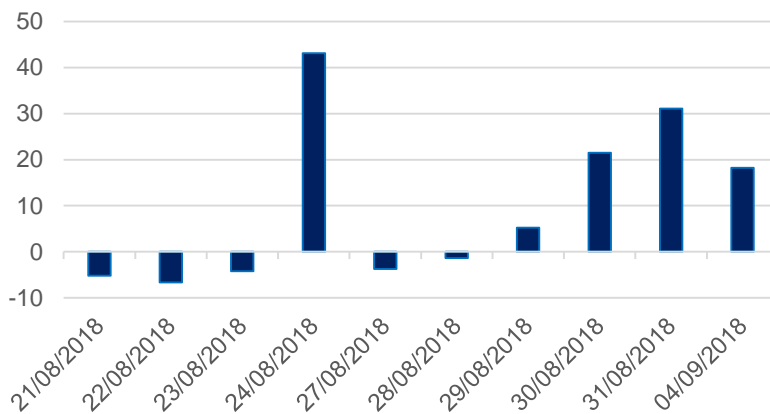
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
MSN	37,748	VNM	(41,894)
VCB	29,693	VRE	(30,875)
YEG	29,656	BID	(20,620)
VJC	10,718	NVL	(17,098)
DXG	8,837	SCR	(10,551)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

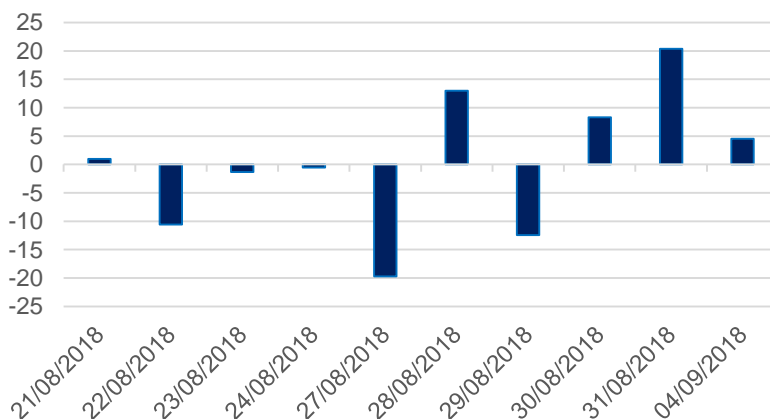
### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
VGC	27,805	NDN	(4,383)
DBC	1,457	PVS	(4,063)
SHB	484	TIG	(2,564)
PPS	162	TNG	(558)
CEO	137	TV3	(372)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

### Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VND)
POW	5,040	OIL	(720)
MSR	331	BSR	(414)
HVN	310	ACV	(322)
CHS	131	VEA	(251)
SKH	117	ICC	(66)

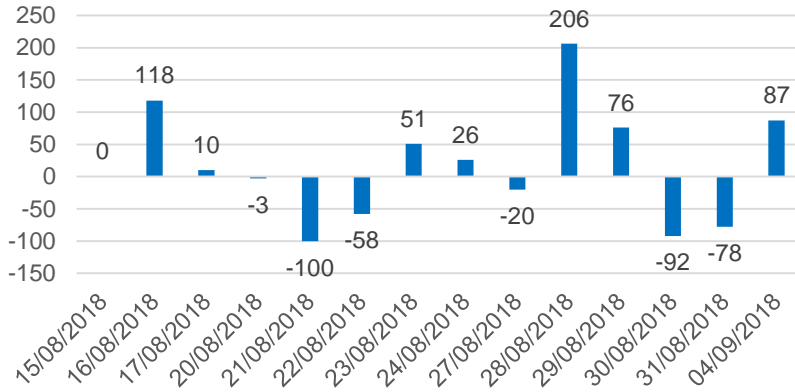
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

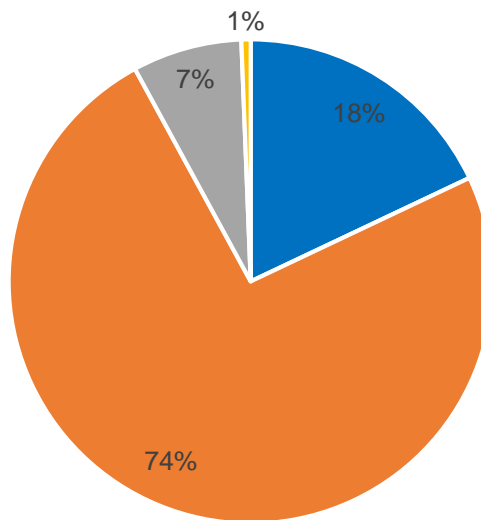


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
<b>NVL</b>	35,538	<b>NVL</b>	33,352
<b>HPG</b>	35,236	<b>E1VFN30</b>	9,364
<b>MWG</b>	17,099	<b>HPG</b>	9,072
<b>SSI</b>	9,406	<b>CTG</b>	8,953
<b>VIC</b>	8,705	<b>MBB</b>	3,510

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



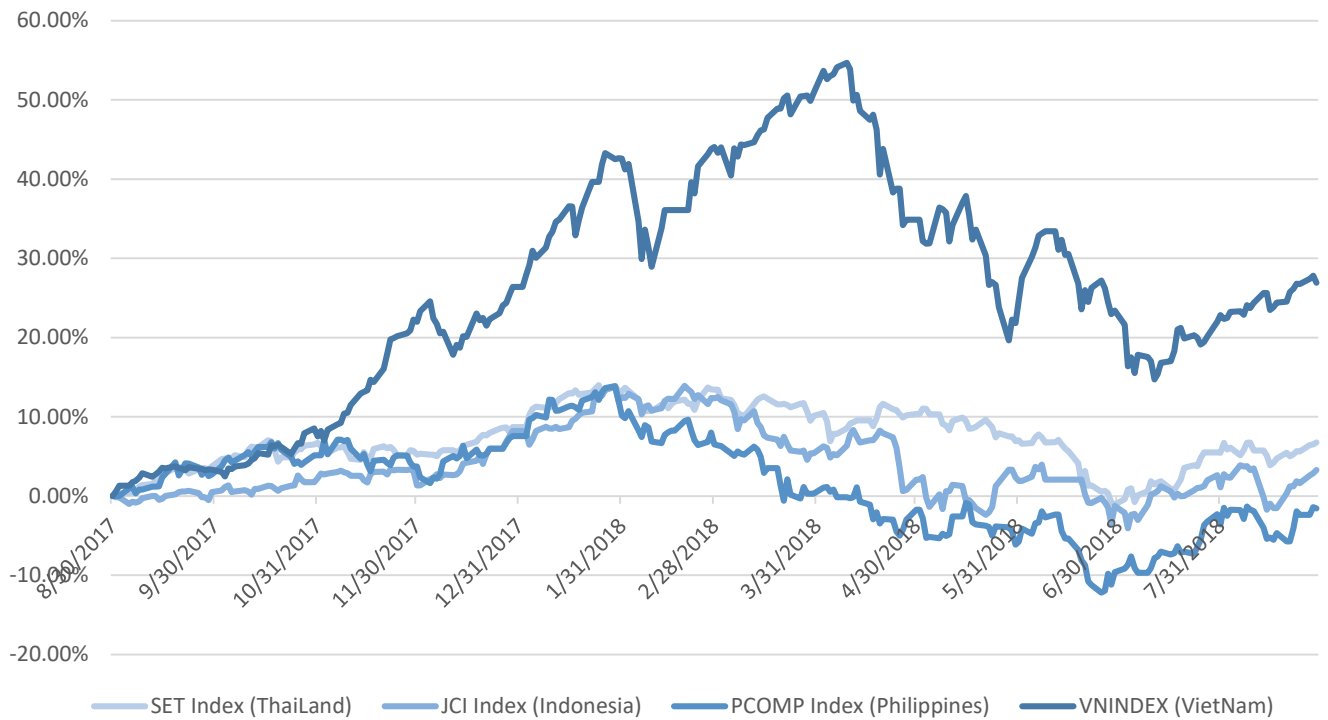
- Tổ chức nước ngoài
- Cá nhân trong nước
- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

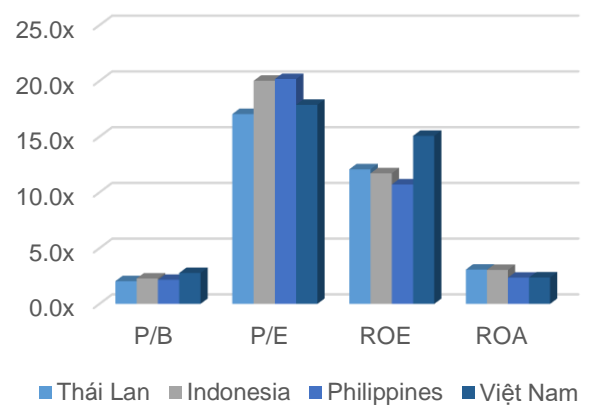
## Diễn biến các thị trường trong khu vực



### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		2.0x	2.3x	2.2x	2.8x
P/E		17.0x	20.0x	20.2x	17.9x
ROE	%	12.07	11.72	10.72	15.07
ROA	%	3.08	3.05	2.36	2.37
Vốn hóa	Tỷ USD	530.45	462.77	183.69	136.80
GTGD	Triệu USD	1.16	0.37	0.09	0.16
LS cổ tức	%	3.05	2.28	1.50	1.97

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



■ Thái Lan ■ Indonesia ■ Philippines ■ Việt Nam



We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written